| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Số: 21/2017/KDTM-ST
Ngày: 02/8/2017.
*V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phu.
2. Ông Ngô Văn Thi.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Hoàng Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số: 88/2015/TLST-KDTM, ngày 14 tháng 5 năm 2015 về: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2017/QĐXX- KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng A; địa chỉ: 01, đường THD, khu Đô Thị MĐ 1, huyện TL, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị BY – Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh huyện A; địa chỉ: số 01, đường TNH, ấp AT, thị trấn AP, huyện A, theo Văn bản ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A

*Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Chi nhánh là bà Huỳnh Thị MP – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh, theo Văn bản số 95/NHNo-GUQ ngày 10/6/2015.*

*2. Bị đơn*: Ông Mai Văn T, sinh năm: 1984.

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3. 1 Bà Trần Thị D, sinh năm: 1983.

3. 2 Bà Trần Thị T, sinh năm: 1971.

Cùng cư trú: ấp PT, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

3. 3 Ông Mai Phú T, sinh năm : 1982.

Cư trú: ấp VL, xã VL, huyện A, tỉnh An Giang.

*(Bà MP có mặt; những người còn lại vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 20/10/2014 với các tài liệu kèm*

*theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Huỳnh Thị MP - Đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng A trình bày*:

Ngày 19/3/2009, ông Mai Văn T ký hợp đồng tín dụng số: 40/2008/HĐTD vay của Ngân hàng A số tiền 200.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng thì cùng ngày 19/3/2009 bà Trần Thị D là vợ ông T cùng ông T ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 0323/HĐTC và 0324/HĐTC. Tài sản thế chấp gồm:

- QSD đất số: AN 001726 (H01195bL), diện tích 5.002m$^2$ do UBND huyện A cấp ngày 22/01/2009 mang tên Mai Văn T - Trần Thị D.

- QSD đất số R 733814(00269bL), diện tích 9.444m$^2$ do UBND huyện A cấp ngày 06/12/2000 mang tên Mai Văn T;

Phương thức vay theo hạn mức tín dụng; mục đích vay mua bán lúa gạo, sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay thả nổi, nhưng tại thời điểm ký kết hợp đồng lãi suất là 10,5% năm.

Quá trình thực hiện ông T trả lãi đến ngày 20/12/2009 thì ngưng. Nhiều lần Ngân hàng A đến đòi thì ông T hẹn mà không trả.

Sau đó ông T, bà D bỏ địa phương đi lâu lâu về một lần, nhưng lẫn tránh nên Ngân hàng A không gặp để giải quyết.

Tính đến nay (02/8/2017) tiền lãi ông T nợ Ngân hàng A là 240.829.167đồng. Tổng cộng vốn + lãi, ông T nợ Ngân hàng A 440.829.167đồng. Nay Ngân hàng A yêu cầu ông T – bà D phải thanh toán ngay số nợ trên.

*Bị đơn ông Mai Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D đã được thông báo hợp lệ đến tham dự phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông T - bà D vẫn vắng mặt.*

*Tại biên bản lời khai ngày 07/3/2017, bà Trần Thị T trình bày*:

Cách nay 04 năm (ngày tháng cụ thể không nhớ), bà cố 05 công đất của bà Trần Thị D, đất tọa lạc tại ấp PT, xã PH với giá 40.000.000 đồng, thời hạn cố không quy định, khi cố có làm giấy tay nhưng sau đó bị mất. Ngày 13/9/2016 bà làm lại giấy cố khác và ghi rõ diện tích là 5.481m2, hiện đất bà canh tác. Khi nào bà D có tiền thì bà cho chuộc lại.

Ông Mai Phú T đã được thông báo hợp lệ đến tham dự phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt.

Theo yêu cầu của Ngân hàng A, Tòa án xác minh thu thập chứng cứ xác định phần đất ông T – bà D đang thế chấp cho Ngân hàng A thì hiện do bà Trần Thị T, ông Mai Phú T canh tác. Cụ thể: Bà T canh tác diện tích 5.002m2 theo giấy chứng nhận QSD đất số AN 001726 (H01195bL), tại các điểm: 1, 6, 7, 8, c, b, 16, 17, a, 23, 24. Ông T canh tác diện tích 10.091m2, theo giấy chứng nhận QSD đất số R 733814(00269bL, tại các điểm: 2, 3, 4, 5, 6, d, c, b, a, của bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện A ký cùng ngày 03/5/2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Ngân hàng A bảo lưu ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

*Về thủ tục*: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) không có thành

viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thủ tục xét xử, thời hạn xét xử được đảm bảo.

*Về nội dung:* Ngày 19/3/2009, ông T ký hợp đồng tín dụng số: 40/2008/HĐTD vay của Ngân hàng A 200.000.000 đồng. Ngày 19/3/2009 bà Trần Thị D cùng ông T ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 0323/HĐTC và 0324/HĐTC. Ông T trả lãi đến ngày 20/12/2009 thì ngưng, ông T – bà D bỏ địa phương đi đến nay không thanh toán vốn + lãi, nên Ngân hàng A kiện là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định. Đối với phần đất của ông T – bà D thế chấp cho Ngân hàng A, nhưng cầm cố cho bà T và giao cho ông T canh tác là vi phạm hợp đồng, nhưng các bên không yêu cầu nên không đề cặp xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các ông bà Mai Văn T, Trần Thị D, Trần Thị T và Mai Phú T đã được tiệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt các ông bà: T, D, T, T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Hợp đồng vay tài sản" Tòa án thụ lý giải quyết theo vụ án dân sự. Quá trình tố tụng, xét tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ hợp đồng tín dụng số 40/2008/HĐTD ngày 19/3/2009; số tiền ông T – bà D vay của Ngân hàng A sử dụng vào mục đích mua bán lúa, gạo và sản xuất nông nghiệp; ông T có đăng ký Hộ kinh doanh cá thế, được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện A cấp giấy chứng nhận kinh doanh số 52C8003990 ngày 16/3/2009. Tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh với nhau và có mục đích lợi nhuận, nên xác định thuộc vụ án kinh doanh Thương mại theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 20/12/2009 thì ông T – bà D ngưng trả lãi; ông T – bà D bỏ địa phương đi, Ngân hàng A liên hệ nhưng không gặp, do trở ngại khách quan nên đến ngày 20/4/2014 Ngân hàng A mới khởi kiện, thuộc trường hợp tính lại thời hiệu; Ngân hàng A kiện ông T – bà D về hợp đồng tín dụng; ông T – bà D có địa chỉ cư trú tại ấp PT, xã PH, huyện A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng tín dụng giữa các bên có lập thành văn bản, trên nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Ông T – bà D ngưng trả lãi, chứng tỏ vi phạm tiểu mục 9.2.4 mục 9.2 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 40/2008 ngày 19/3/2009, nên Ngân hàng A khởi kiện là phù hợp với tiểu mục 8.1.7 mục 8.1 Điều 8 Hợp đồng tín dụng số 40/2008-HĐTD ngày 19/3/2009 mà hai bên ký kết.

Văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đất hợp lệ nhưng ông T – bà D không phản hồi ý kiến của mình về việc Ngân hàng A khởi kiện, chứng tỏ ông T – bà D từ bỏ quyền lợi về tố tụng của mình. HĐXX xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Theo bảng chiết tính về lãi suất mà đại diện Ngân hàng A cung cấp tại phiên tòa thì đến nay (02/8/2017) ông T – bà D còn nợ Ngân hàng là 440.829.167 đồng. Trong đó

vốn 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.191.667 đồng, lãi quá hạn 235.637.500đồng. Xét lãi suất Ngân hàng A tính là phù hợp với hợp đồng tín dụng mà hai bên tham gia ký kết, nên HĐXX chấp nhận.

Ông T – bà D là quan hệ vợ chồng, cả hai có đăng ký kết hôn theo chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 29/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện A và cùng sử dụng chung vốn vay của Ngân hàng để kinh doanh và sản xuất nông nghiệp, nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng A, theo Điều 298 Bộ luật Dân sự.

Tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất lần lượt theo các số: AN 001726 (H01195bL), diện tích 5.002m$^2$ do UBND huyện A cấp ngày 22/01/2009 mang tên Mai Văn T - Trần Thị D; R 733814 (00269bL), diện tích 9.444m$^2$ do UBND huyện A cấp ngày 06/12/2000 mang tên Mai Văn T, theo hợp đồng thế chấp số 0323/HĐTC và 0324/HĐTC cùng ngày 19/3/2009. HĐXX nghĩ nên tiếp tục duy trì để đảm bảo việc Thi hành án.

Đối với việc cầm cố, giao đất giữa ông T – bà D với các ông bà: Trần Thị T, Mai Phú T. Do các bên không có yêu cầu, nên HĐXX không đề cặp xem xét.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận, nên Ngân hàng A không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã đóng. Riêng ông T – bà D phải chịu án phí theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Đối với khoản tiền Ngân hàng A tạm ứng 700.000 đồng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ theo biên nhận ngày 14/5/2015 của Tòa án và 1.199.018 đồng tiền hợp đồng đo đạc theo hóa đơn số 0007965 ngày 23/11/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A. HĐXX nghĩ nên buộc ông T – bà D thanh toán lại cho Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 50, 51 Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 298 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A

Buộc ông Mai Văn T – bà Trần Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A 440.829.167 đồng *(Bốn tram bốn mươi triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng).* Trong đó vốn 200.000.000 đồng, lãi 240.829.167 đồng.

Duy trì tài sản thế chấp gồm: 1/ AN 001726 (H01195bL), diện tích 5.002m$^2$ do UBND huyện A cấp ngày 22/01/2009 mang tên Mai Văn T - Trần Thị D; 2/ R 733814 (00269bL), diện tích 9.444m$^2$ do UBND huyện A cấp ngày 06/12/2000 mang tên Mai Văn T để đảm bảo Thi hành án.

Kể từ ngày 03/8/2017, ông T – bà D còn phải chịu lãi trên phần vốn gốc, theo lãi suất Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A với ông Mai Văn T ký kết, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*Về án phí, chi phí tố tụng*:

Về án phí: Ông Mai Văn T – bà Trần Thị D phải cùng chịu 22.041.000 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án huyện A hoàn trả cho Ngân hàng A 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số: 0008055 ngày

14/5/2015 *(người đại diện nhận là bà Huỳnh Thị MP – Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng A – Chi nhánh huyện A)*

Về chi phí tố tụng: Ông T – bà D có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện A 700.000 đồng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và 1.199.018 đồng tiền hợp đồng đo đạc, do Ngân hàng tạm ứng theo biên nhận ngày 14/05/2015 của Tòa án và theo hóa đơn số 0007966 ngày 23/11/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- TAT;
- VKS;
- THA để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

**Lê Văn Huệ**